

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH LỢI
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **14/2022/HNGĐ-ST**
Ngày 21-4-2022
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH LỢI, TỈNH BẠC LIÊU**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khanh

Các Hội thẩm nhân dân:

1- Ông Hà Phú Quý

2- Ông Nguyễn Trung Kiên

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Nhiều, Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu tham gia
phiên tòa:* Bà Trịnh Thị Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh
Bạc Liêu tiến hành phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:
29/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 02 năm 2022 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi
con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2022/QĐXXST-
HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Cẩm T (Trần Cẩm T), sinh năm 1994. Địa chỉ: Ấp
N, xã V, huyện V, tỉnh Bạc Liêu.

2. *Bị đơn:* Anh Kiều Trung H, sinh năm 1988. Địa chỉ: Ấp 7, xã K, huyện U
M, tỉnh Cà Mau.

(Chị T có mặt; anh H xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện ngày 08/02/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án,
nguyên đơn chị Trần Cẩm T trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị và anh Kiều Trung H tự nguyện chung sống như vợ
chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào năm 2013
nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu, vợ chồng sống hòa thuận, hạnh
phúc nhưng đến năm 2020 thì xảy ra mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau, không ai
quan tâm chăm sóc lẫn nhau và đã sống ly thân từ đầu năm 2022 cho đến nay. Nay
chị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh H được ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị và anh H có 01 con chung tên Kiều Nhựt H, sinh ngày 23/9/2014. Khi ly hôn, chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu H. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, chị T có mức thu nhập trung bình hàng tháng là 6.000.000 đồng từ việc buôn bán tạp hóa.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị T xác định không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn anh Kiều Trung H trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Anh H đồng ý với yêu cầu ly hôn của chị T. Tuy nhiên, khi ly hôn anh yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Lý do anh yêu cầu nuôi con là do chị T thường xuyên bị bệnh (bệnh guol ban đỏ), thu nhập kinh tế không ổn định. Hiện anh H làm tài xế xe tải có mức thu nhập hàng tháng từ 6.000.000 đến 7.000.000 đồng.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu phát biểu việc tuân theo pháp luật của Tòa án và quan điểm giải quyết vụ án:*

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53, Điều 81, Điều 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình: Không công nhận quan hệ giữa chị T và anh H là vợ chồng. Về con chung: Giao cháu Kiều Nhựt H, sinh ngày 23/9/2014 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm con chung không ai được quyền cản trở. Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh H xác định không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết. Chị T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Bị đơn anh Kiều Trung H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Trần Cẩm T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là anh Kiều Trung H nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh H và chị T có văn bản yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi, tỉnh Bạc Liêu giải quyết vụ án nên vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Lợi theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng vào năm 2013, là sự kiện có xảy ra trên thực tế. Tuy nhiên, quá

trình sống chung như vợ chồng chị T và anh H không đăng ký kết hôn. Theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình: *“Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định thì không có giá trị pháp lý”* và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình: *“Nam nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”*. Đồng thời tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại Khoản 1 Điều 14 của Luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này”*. Từ các căn cứ trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, tuyên bố không công nhận chị T và anh H là vợ chồng.

[4] Về con chung: Chị T và anh H xác định quá trình chung sống, chị T và anh H có 01 con chung tên Kiều Nhật H, sinh ngày 23/9/2014. Khi ly hôn chị T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu H và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H cũng có yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, chị T và anh H đều có mức thu nhập gần bằng nhau, nhưng công việc của chị T là bán tạp hóa, còn anh H là tài xế lái xe tải nên việc chăm sóc cháu H của chị T sẽ thuận tiện và dễ dàng hơn anh H. Hiện nay cháu H đang học lớp 2 và sống chung với chị T, đồng thời cháu H cũng có nguyện vọng sống chung với chị T. Để không làm xáo trộn tâm lý của cháu H cũng như phù hợp với quy định pháp luật, Hội đồng xét xử có cơ sở giao cháu H cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T và anh H xác định không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết tại phiên tòa hôm nay.

[6] Về án phí: Nguyên đơn chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch, theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Như đã phân tích, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ giữa chị Trần Cẩm T và anh Kiều Trung H là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Kiều Nhựt H, sinh ngày 23/9/2014 cho chị Trần Cẩm T trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục (hiện cháu H đang sống cùng chị T).

Anh Kiều Trung H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Trần Cẩm T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Cẩm T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0000853 ngày 16/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V được chuyển thu án phí.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Vĩnh Lợi;
- Chi cục THADS huyện V;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Khanh